

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM ⁽¹⁾
(Ngày 09 tháng 12 năm 2025) ⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ HÒA. Ngày tháng năm sinh: Ngày 21 tháng 5 năm 1975
- Chức vụ/chức danh công tác: Q.Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường mầm non Minh Tân
- Nơi thường trú: Ấp Tân Thanh – Xã Minh Thạnh – TP. Hồ Chí Minh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 035175009357 ngày cấp 10 tháng 5 năm 2021 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Lê Thiêm Hợp . Đã mất . Ngày tháng năm sinh:
- Nghề nghiệp:
- Nơi làm việc⁽⁴⁾:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:ngày cấp.....nơi cấp

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Lê Thiêm Minh Ngày tháng năm sinh: 17/12/1998
- Nơi thường trú: Ấp Tân Thanh – Xã Minh Thạnh – TP. Hồ Chí Minh
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân 074098005592 ngày cấp 31/01/2024 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý chính trị về trật tự xã hội.

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

- Họ và tên: Lê Thiêm Dương Ngày tháng năm sinh: 9/11/2005
- Nơi thường trú: Ấp Tân Thanh – Xã Minh Thạnh – TP. Hồ Chí Minh

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân 074205010116 ngày cấp 31/5/2021 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý chính trị về trật tự xã hội.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Ấp Tân Thanh – Xã Minh Thạnh – TP. Hồ Chí Minh
- Diện tích⁽⁹⁾: Tổng diện tích 466m². Trong đó đất ở là 170m². 296m² đất vườn
- Giá trị⁽¹⁰⁾: Giá trị ước tính 150.000.000đ
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Giấy chứng nhận số BV 780267. Ngày cấp 24/3/2015. Nơi cấp UBND Huyện Dầu Tiếng. Cấp cho Nguyễn Thị Hòa là người giám hộ cho Lê Thiêm Minh. Lê Thiêm Dương
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Thừa kế từ chồng, cha.

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Ấp Tân Thanh – Xã Minh Thạnh – TP. Hồ Chí Minh
- Diện tích⁽⁹⁾: Tổng diện tích 300m². Đất ở tại nông thôn, diện tích ở nông thôn là 300m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: Giá trị ước tính 150.000.000đ
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Giấy chứng nhận số BV 780253 ngày cấp 24/3/2015. Nơi cấp UBND huyện Dầu Tiếng. Cấp cho Nguyễn Thị Hòa là người giám hộ cho Lê Thiêm Minh. Lê Thiêm Dương
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Thừa kế từ chồng, cha.

1.1.2. Thửa thứ 3 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Khu phố 3, thị trấn Chơn Thành – Tỉnh Đồng Nai
- Diện tích⁽⁹⁾: Tổng diện tích 182,5m². Đất ở đô thị là 80m², đất trồng cây lâu năm là 102,5m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 650.000.000đ
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Giấy chứng nhận số BA 089777 ngày cấp 25/10/2019. Nơi cấp sở tài nguyên môi trường tỉnh Bình Phước. Cấp cho Nguyễn Thị Hòa
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Tự mua

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: Đất trồng cây lâu năm . Địa chỉ: Ấp Tân Phú – Xã Minh Thạnh – TP. Hồ Chí Minh

- Diện tích: 4.087m². Đất trồng cây lâu năm, diện tích đất trồng cây lâu năm là 2494m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Giá trị ước tính 250.000.000đ

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Giấy chứng nhận số BV 780266. Ngày cấp 24/3/2015. Nơi cấp UBND Huyện Dầu Tiếng. Cấp cho Nguyễn Thị Hòa là người giám hộ cho Lê Thiêm Minh. Lê Thiêm Dương

- Thông tin khác (nếu có): Thừa kế từ chồng, cha.

1.2.2. Thừa thứ 2

- Loại đất : Đất trồng cây lâu năm . Địa chỉ: Ấp Hòa lộc – Xã Minh Thạnh- TP. Hồ Chí Minh

- Diện tích: 1007m². Đất trồng cây lâu năm, diện tích đất trồng cây lâu năm là 1007m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Giá trị ước tính 60.000.000đ

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Giấy chứng nhận số BV 780268 ngày cấp 24/3/2015. Nơi cấp UBND huyện Dầu Tiếng. Cấp cho Nguyễn Thị Hòa là người giám hộ cho Lê Thiêm Minh. Lê Thiêm Dương

- Thông tin khác (nếu có): Thừa kế từ chồng, cha.

1.1.2. Thừa thứ 3

- Loại đất : Đất trồng cây lâu năm . Địa chỉ: Ấp Tân Đức – Xã Minh Thạnh – TP. Hồ Chí Minh

- Diện tích: 2454m². Đất trồng cây lâu năm, diện tích đất trồng cây lâu năm là 2454m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Giá trị ước tính 200.000.000đ

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Giấy chứng nhận số BV 780252. Ngày cấp 24/3/2015. Nơi cấp UBND Huyện Dầu Tiếng. Cấp cho Nguyễn Thị Hòa là người giám hộ cho Lê Thiêm Minh. Lê Thiêm Dương

- Thông tin khác (nếu có): Thừa kế từ chồng, cha.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Ấp Tân Thanh – xã Minh Tân – Huyện Dầu Tiếng – Tỉnh Bình Dương

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ

- Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾: 170m²

- Giá trị ⁽¹⁰⁾: 250.000.000đ

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Giấy chứng nhận số BV78026. Ngày cấp 24/3/2015. Nơi cấp UBND Huyện Dầu Tiếng.

- Thông tin khác (nếu có): Nhà xây trên phần diện tích thuộc giấy chứng nhận Giấy chứng nhận số BV 780267. Ngày cấp 24/3/2015. Nơi cấp UBND Huyện Dầu Tiếng. Thừa kế từ chồng, cha.

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác ⁽¹⁶⁾: Không

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị ⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất ⁽¹⁷⁾: Không

3.1. Cây lâu năm ⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất ⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu: Không

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: Không

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản: Xe máy SH mode Số đăng ký: 61H1- 737.72 Giá trị: 70.000.000

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 346.736.000đ

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): Chồng mất

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không

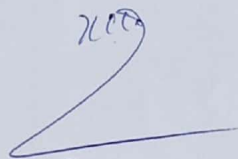
III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác	-4.087m ²	-650.000.000đ	-Giảm do bán
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.	+ 01 sổ tiết kiệm	550.000.000đ	Do bán đất
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác	+	286.000.000đ	Tiền bán đất và tiết kiệm trong năm

7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).	+01	+70.000.000đ	+Mua từ tiền thu nhập trong năm
-Mua xe máy, số đăng ký 61H1-737.72			
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			Lương, thêm giờ và các khoản phụ cấp từ lương, tiền thu nhập tăng thêm
8. Tài sản ở nước ngoài.		346.736.000đ	
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .			

Minh Thạnh ngày 11 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Minh Thạnh ngày 09 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Hòa